

Số: 40 /QĐ-PTI-HĐQT

Hà Nội, ngày 12 tháng 04 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy chế nội bộ về Quản Trị

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

- Căn cứ Luật doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện;
- Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 6/6/2017 của Chính phủ về hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng;
- Căn cứ Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn Nghị định 71/2017/NĐ-CP về quản trị áp dụng đối với Công ty Đại chúng;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 ngày 12/04/2018;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế nội bộ về Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các quy định trước đây trái với quy định tại Quy chế Quản trị này đều bị bãi bỏ.

Điều 3. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng giám đốc Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Bưu điện và các cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, TLTH.



Nguyễn Minh Đức

MỤC LỤC

Chương I: Quy định chung	3
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh	3
Điều 2. Giải thích thuật ngữ	3
Chương II. Trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại ĐHĐCĐ	4
Điều 3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ	4
Điều 4. Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ	4
Điều 5. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ	5
Điều 6. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết trong ĐHĐCĐ	5
Điều 7. Cách thức kiểm phiếu	5
Điều 8. Thông báo kết quả kiểm phiếu	6
Điều 9. Lập biên bản họp ĐHĐCĐ	6
Điều 10. Cách thức phản đối quyết nghị của ĐHĐCĐ	6
Điều 11. Việc ĐHĐCĐ thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.....	6
Điều 12. Công bố Nghị quyết của ĐHĐCĐ	7
Chương III. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên HĐQT	7
Điều 13. Tiêu chuẩn thành viên HĐQT	7
Điều 14. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên HĐQT	7
Điều 15. Cách thức bầu thành viên HĐQT	8
Điều 16. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bầu bổ sung thành viên HĐQT	8
Điều 17. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT	8
Chương IV. Trình tự và thủ tục tổ chức họp HĐQT	9
Điều 18. Thông báo họp HĐQT	9
Điều 19. Điều kiện tổ chức họp HĐQT	9
Điều 20. Cách thức biểu quyết	9
Điều 21. Cách thức thông qua nghị quyết của HĐQT	9
Điều 22. Ghi biên bản họp HĐQT	9
Điều 23. Thông báo nghị quyết HĐQT	9
Điều 24. Thành lập và hoạt động các tiêu ban thuộc HĐQT	9
Chương V. Kiểm soát viên	9
Điều 25. Tiêu chuẩn kiểm soát viên	9
Điều 26. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên	9
Điều 27. Cách thức bầu kiểm soát viên	9

Điều 28. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên	10
Điều 29. Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi miễn Kiểm soát viên	10
Chương VI. Người điều hành doanh nghiệp	10
Điều 30. Các tiêu chuẩn người điều hành doanh nghiệp	10
Điều 31. Tổng giám đốc	10
Điều 32. Bổ nhiệm người điều hành doanh nghiệp khác	11
Điều 33. Ký hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp.....	11
Điều 34. Các trường hợp miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp.....	11
Điều 35. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp	11
Chương VII. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT, Ban kiểm soát	11
và Tổng giám đốc	11
Điều 36. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, BKS và Tổng giám đốc	11
Điều 37. Thông báo nghị quyết của HĐQT cho Ban kiểm soát	12
Điều 38. Các trường hợp Tổng giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp HĐQT và những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT	12
Điều 39. Báo cáo của Tổng giám đốc với HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao	13
Điều 40. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên HĐQT, các kiểm soát viên và Tổng giám đốc	13
Điều 41. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác.....	13
Chương VIII. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm	15
Người phụ trách quản trị Tổng công ty	15
Điều 42. Tiêu chuẩn Người phụ trách quản trị Tổng công ty.....	15
Điều 43. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Tổng công ty	15
Điều 44. Quyền và nghĩa vụ người phụ trách quản trị Tổng công ty	15
Điều 45. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Tổng công ty	15
Điều 46. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Tổng công ty	15
Chương IX. Sửa đổi Quy chế nội bộ về Quản trị Tổng công ty	16
Điều 47. Sửa đổi và bổ sung quy chế	16
Chương X. Ngày Hiệu lực	16
Điều 48. Ngày hiệu lực	16

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

(Ban hành theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 39/NQ-PTI-ĐHĐCĐ ngày 12 tháng 04 năm 2018)

Chương I: Quy định chung

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện áp dụng khi Tổng công ty niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hà Nội. Quy chế này được xây dựng dựa trên căn cứ:

- a. Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;
 - b. Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006;
 - c. Luật số 62/2010/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán số 70/2006/QH11;
 - d. Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng;
 - e. Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 Hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng;
 - f. Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện;
2. Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên HĐQT, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát và cán bộ quản lý của Công ty.
3. Quy chế này cũng là cơ sở để đánh giá việc thực hiện quản trị công ty của Tổng công ty.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ

1. Chữ viết tắt:

- a. “Tổng công ty” là Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện;
- b. “ĐHĐCĐ”: Đại hội đồng cổ đông;
- c. “HĐQT”: Hội đồng quản trị;
- d. “BKS”: Ban kiểm soát.

2. Những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a. “Quản trị Tổng công ty” là hệ thống các nguyên tắc, bao gồm:
 - Đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý;
 - Đảm bảo hiệu quả hoạt động của HĐQT, BKS;
 - Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan;
 - Đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông;
 - Công khai minh bạch mọi hoạt động của Tổng công ty.

- b. “Công ty đại chúng” là công ty cổ phần được quy định tại khoản 1 Điều 25 Luật chứng khoán;
- c. “Cổ đông lớn” là cổ đông được quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật chứng khoán;
- d. “Người quản lý doanh nghiệp” được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật doanh nghiệp;
- e. “Người điều hành doanh nghiệp” là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng, và người điều hành khác trong Tổng công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn;
- f. “Thành viên HĐQT không điều hành” (sau đây gọi là thành viên không điều hành) là thành viên HĐQT không phải là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Tổng công ty;
- g. “Thành viên HĐQT độc lập” (sau đây gọi là thành viên độc lập) là thành viên được quy định tại khoản 2 Điều 151 Luật doanh nghiệp;
- h. Người phụ trách quản trị Tổng công ty là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều 18 Nghị định 71/2017/NĐ-CP;
- i. Người có liên quan là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán;
3. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.
4. Trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định về quản trị công ty khác với quy định tại Quy chế này thì áp dụng quy định của pháp luật chuyên ngành.

Chương II. Trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại ĐHĐCĐ

Điều 3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ

Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ được thực hiện theo quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 18, Điều lệ Tổng công ty và quy định của pháp luật chứng khoán áp dụng cho các công ty niêm yết.

Điều 4. Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ

1. Thông báo họp ĐHĐCĐ được thực hiện theo quy định tại khoản 3, Điều 18, Điều lệ Tổng công ty.
2. Nội dung thông báo triệu tập ĐHĐCĐ phải gồm có các thông tin sau:
 - a. Thời gian tổ chức;
 - b. Địa điểm tổ chức;
 - c. Nội dung đại hội;
 - d. Đối tượng tham dự đại hội.
3. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp ĐHĐCĐ, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:
 - a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên HDQT, Ban kiểm soát;

c. Phiếu biểu quyết;

d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;

Điều 5. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ

1. Trước ngày ĐHĐCĐ, cổ đông hay đại diện cổ đông thực hiện đăng ký tham dự họp ĐHĐCĐ bằng email hoặc điện thoại theo Thông báo tổ chức ĐHĐCĐ.

2. Vào ngày tổ chức ĐHĐCĐ

- Mỗi cổ đông hay đại diện cổ đông khi tới tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ phải mang theo giấy mời tham dự, CMND/Hộ chiếu, riêng đối với đại diện được ủy quyền hợp pháp của cổ đông phải nộp thêm Giấy ủy quyền cho Ban kiểm tra tư cách cổ đông.

- Cổ đông đến Đại hội muộn có quyền đăng ký ngay, sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội nhưng Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho họ đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng.

Điều 6. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết trong ĐHĐCĐ

1. Điều kiện tham gia biểu quyết:

a. Cổ đông có thể thực hiện quyền biểu quyết thông qua một trong hai hình thức:

- Thực hiện quyền biểu quyết tại Đại hội, hoặc

- Thực hiện bỏ phiếu từ xa.

b. Để có thể thực hiện quyền biểu quyết, Cổ đông phải đáp ứng các điều kiện:

- Hoàn tất khâu đăng ký và kiểm tra tư cách hợp lệ tại Đại hội hoặc đáp ứng thủ tục, cách thức về hình thức bỏ phiếu từ xa;

- Thời điểm thực hiện quyền biểu quyết: trước thời điểm Đại hội hoàn tất việc thu thập ý kiến biểu quyết của các Cổ đông.

2. Cách thức biểu quyết:

- Tất cả các nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ được cổ đông biểu quyết công khai tại đại hội bằng hình thức ghi “Thẻ biểu quyết” theo các tình trạng Đồng ý, Không đồng ý, Ý kiến khác theo sự điều hành của Chủ tọa cho từng vấn đề.

- Ngoài ra, Cổ đông có thể biểu quyết bằng hình thức ghi ý kiến vào “Phiếu lấy ý kiến biểu quyết” và gửi về cho Ban kiểm phiếu. Cách thức biểu quyết cụ thể tuân thủ Quy chế tổ chức đại hội, Thủ lệ biểu quyết tại mỗi kỳ Đại hội đồng cổ đông của Tổng công ty.

Điều 7. Cách thức kiểm phiếu

1. Ghi nhận kết quả kiểm phiếu

a. Đối với hình thức biểu quyết công khai thông qua “Thẻ biểu quyết”:

Sau khi Chủ tọa hỏi ý kiến của Đại hội về từng nội dung biểu quyết, Ban kiểm phiếu sẽ đếm, ghi nhận, và tổng hợp trình trạng biểu quyết (Đồng ý, Không đồng ý, Ý kiến khác) và tỷ lệ biểu quyết theo từng tình trạng so với tổng số cổ phần có quyền biểu

quyết có mặt tại Đại hội. Kết quả ghi nhận sẽ được báo cáo ĐHĐCĐ ngay sau khi tổng hợp và Ban Thư ký ghi nhận lại để đưa vào Biên bản ĐHĐCĐ;

b. Đối với hình thức biểu quyết kín thông qua “Phiếu lấy ý kiến biểu quyết”:

- Sau khi cổ đông hoàn tất việc biểu quyết, Ban kiểm phiếu thu thập “Phiếu lấy ý kiến biểu quyết” từ thùng phiếu đã được niêm phong và dán nhãn tương ứng;

- Ban kiểm phiếu tiến hành kiểm tra tính hợp lệ của các Phiếu lấy ý kiến biểu quyết và thực hiện kiểm phiếu;

- Kết quả biểu quyết sẽ được xác định cho từng nội dung biểu quyết, và được tính theo tỷ lệ phần trăm (%) làm tròn đến 2 số thập phân;

- Kết quả kiểm phiếu được tổng hợp và cập nhật vào Biên bản Kiểm phiếu và Biên bản ĐHĐCĐ.

- Ban kiểm phiếu có trách nhiệm in Biên bản Kiểm phiếu và ký xác nhận về tính chính xác, minh bạch và đúng các nguyên tắc, trình tự kiểm phiếu.

c. Biên bản Kiểm phiếu cần có các nội dung sau:

- Số cổ phần biểu quyết;

- Tỷ lệ biểu quyết cho từng tình trạng: Đồng ý, Không đồng ý, Ý kiến khác;

- Các vấn đề được Đại hội thông qua theo quy định về tỷ lệ biểu quyết.

e. Trưởng Ban kiểm phiếu báo cáo kết quả kiểm phiếu tại Đại hội.

2. Cách thức kiểm phiếu đối với hình thức bỏ phiếu từ xa tuân thủ Quy chế tổ chức Đại hội và Thủ tục biểu quyết tại mỗi kỳ Đại hội đồng cổ đông của Tổng công ty.

3. Thông qua các quyết định tại ĐHĐCĐ

Việc thông qua các quyết định tại ĐHĐCĐ được quy định theo Điều 21, Điều lệ Tổng công ty.

Điều 8. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Sau khi tiến hành kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu sẽ thông báo kết quả kiểm phiếu trực tiếp tại cuộc họp ĐHĐCĐ. Thông báo kết quả kiểm phiếu phải nêu cụ thể số phiếu Đồng ý, số phiếu Không đồng ý, Ý kiến khác đối với từng vấn đề.

Điều 9. Lập biên bản họp ĐHĐCĐ

Lập biên bản họp ĐHĐCĐ được quy định theo Điều 23, Điều lệ Tổng công ty

Điều 10. Cách thức phản đối quyết nghị của ĐHĐCĐ

Cách thức phản đối quyết nghị của ĐHĐCĐ được quy định theo Điều 24, Điều lệ Tổng công ty.

Điều 11. Việc ĐHĐCĐ thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

1. Quy trình lấy ý kiến bằng văn bản: Việc ĐHĐCĐ thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thực hiện theo Điều 22, Điều lệ Tổng công ty.

2. Các trường hợp không được lấy ý kiến bằng văn bản:

- Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Tổng công ty;

- Định hướng phát triển Tổng công ty;
- Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty, hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn do Điều lệ Tổng công ty quy định;
- Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
- Tổ chức lại, giải thể Tổng công ty.

Điều 12. Công bố Nghị quyết của ĐHĐCĐ

Việc công bố Nghị quyết của ĐHĐCĐ được quy định theo Điều 8, Điều 9 Thông tư 155/2015/TT-BTC Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Hình thức công bố thông tin: Đăng tải trên website www.pti.com.vn của Tổng công ty.

Chương III. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên HĐQT

Điều 13. Tiêu chuẩn thành viên HĐQT

Thành viên HĐQT phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp;
2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của Tổng công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Tổng công ty, trừ trường hợp Điều lệ Tổng công ty quy định khác;
3. Chủ tịch HĐQT không được kiêm nhiệm chức danh Tổng giám đốc;
4. Thành viên Hội đồng quản trị không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại quá 05 công ty khác.

Điều 14. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên HĐQT

1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị.

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên;
 - từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;
 - từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;
 - từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên;
 - từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên;
 - từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên;

- từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

2. Trường hợp số lượng ứng viên HĐQT thông qua đề cử, ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên.

3. Danh sách, lý lịch và các thông tin có liên quan của các ứng viên được đề cử hoặc ứng cử để bầu vào HĐQT gồm các nội dung quy định theo Khoản 1, Điều 25, Điều lệ Tổng công ty.

Điều 15. Cách thức bầu thành viên HĐQT

Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân (x) với số thành viên được bầu của HĐQT và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định theo thê lệ bầu cử tại mỗi kỳ ĐHĐCD;

Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí Quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Tổng công ty.

Điều 16. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bầu bổ sung thành viên HĐQT

1. Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 151 của Luật Doanh nghiệp;

b) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Có đơn từ chức;

d) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Tổng công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại khoản 1 Điều 134 của Luật Doanh nghiệp này;

c) Trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, Đại hội đồng cổ đông quyết định bầu bổ sung thành viên HĐQT mới vào HĐQT.

Điều 17. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT

Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT được quy định theo Điều 8, Điều 9 Thông tư 155/2015/TT-BTC Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Hình thức công bố thông tin: Đăng tải trên website www.pti.com.vn của Tổng công ty.

Chương IV. Trình tự và thủ tục tổ chức họp HĐQT

Điều 18. Thông báo họp HĐQT

Thông báo họp HĐQT được quy định theo khoản 7, Điều 30, Điều lệ Tổng công ty.

Điều 19. Điều kiện tổ chức họp HĐQT

Việc tổ chức họp HĐQT được quy định theo khoản 8, Điều 30, Điều lệ Tổng công ty.

Điều 20. Cách thức biểu quyết

Cách thức biểu quyết được quy định theo khoản 9, Điều 30, Điều lệ Tổng công ty.

Điều 21. Cách thức thông qua nghị quyết của HĐQT

Việc thông qua các quyết định của HĐQT được quy định theo khoản 11, khoản 12 Điều 30, Điều lệ Tổng công ty.

Điều 22. Ghi biên bản họp HĐQT

Biên bản họp HĐQT phải được ghi đầy đủ, trung thực, HĐQT có thể yêu cầu một thành viên HĐQT hoặc một người khác làm thư ký ghi biên bản họp.

Điều 23. Thông báo nghị quyết HĐQT

Việc thông qua các quyết định của HĐQT được quy định theo Điều 8, Điều 9 Thông tư 155/2015/TT-BTC Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Hình thức công bố thông tin: Đăng tải trên website www.pti.com.vn của Tổng công ty.

Điều 24. Thành lập và hoạt động các tiểu ban thuộc HĐQT

Việc thành lập và hoạt động của các tiểu ban thuộc HĐQT được quy định theo Điều 31, Điều lệ Tổng công ty.

Chương V. Kiểm soát viên

Điều 25. Tiêu chuẩn kiểm soát viên

Tiêu chuẩn kiểm soát viên được quy định theo khoản 1, Điều 37, Điều lệ Tổng công ty.

Điều 26. Cách thức cỗ đông, nhóm cỗ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên

Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự Điều 14 của Quy chế này.

Điều 27. Cách thức bầu kiểm soát viên

Việc biểu quyết bầu Kiểm soát viên phải thực hiện theo phương thức bầu dòn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân (x) với số Kiểm soát viên được bầu và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định theo thể lệ bầu cử tại mỗi kỳ ĐHĐCĐ;

Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Kiểm soát viên thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Tổng công ty.

Điều 28. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm được quy định tại khoản 4, khoản 5 - Điều 37, Điều lệ Tổng công ty.

Điều 29. Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi miễn Kiểm soát viên

Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên được quy định theo Điều 8, Điều 9 Thông tư 155/2015/TT-BTC Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Hình thức công bố thông tin: Đăng tải trên website www.pti.com.vn của Tổng công ty.

Chương VI. Người điều hành doanh nghiệp

Điều 30. Các tiêu chuẩn người điều hành doanh nghiệp

1. Không thuộc các đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Luật doanh nghiệp.

2. Trong 03 năm liên tục trước thời điểm được bổ nhiệm:

- Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm với hình thức bị buộc bãi nhiệm chức danh quản trị, điều hành đã được Bộ Tài chính chấp thuận hoặc buộc đình chỉ chức danh đã được doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài bổ nhiệm;

- Không bị xử lý kỷ luật dưới hình thức sa thải do vi phạm quy trình nội bộ về khai thác, giám định, bồi thường, kiểm soát nội bộ, quản lý tài chính và đầu tư, quản lý chương trình tái bảo hiểm trong doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài hoặc quy trình nghiệp vụ môi giới bảo hiểm, kiểm soát nội bộ, quy tắc đạo đức nghề nghiệp trong doanh nghiệp môi giới bảo hiểm;

- Không trực tiếp liên quan đến vụ án đã bị cơ quan có thẩm quyền khởi tố theo quy định pháp luật tại thời điểm được bổ nhiệm.

3. Đáp ứng tiêu chuẩn theo chức danh quản lý do Luật Kinh doanh bảo hiểm quy định.

Điều 31. Tổng giám đốc

Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm kỳ, quyền và nghĩa vụ, hoạt động điều hành của Tổng giám đốc được quy định theo Điều 35, Điều lệ Tổng công ty.

Điều 32. Bổ nhiệm người điều hành doanh nghiệp khác

Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của HĐQT, Tổng công ty được tuyển dụng, bổ nhiệm người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và các quy chế quản lý của Tổng công ty do HĐQT quy định.

Điều 33. Ký hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp

Tổng công ty ký hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp theo quy định của pháp luật và Quy chế Phân cấp Tổ chức - Nhân sự của Tổng công ty.

Điều 34. Các trường hợp miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp

1. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm người điều hành khác mới thay thế.

2. Khi người điều hành doanh nghiệp hết nhiệm kỳ và không được tái bổ nhiệm;
3. Căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động;
4. Có đơn từ chức
5. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty.

Điều 35. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp

Thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp được quy định theo Điều 8, Điều 9 Thông tư 155/2015/TT-BTC Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Hình thức công bố thông tin: Đăng tải trên website www.pti.com.vn của Tổng công ty.

Chương VII. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc

Điều 36. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, BKS và Tổng giám đốc

1. HĐQT mời Trưởng ban kiểm soát tham dự tất cả các cuộc họp của HĐQT và có thể mời thêm một số thành viên Ban Tổng Giám đốc tham dự một số cuộc họp HĐQT. Trưởng ban kiểm soát và thành viên Ban Tổng Giám đốc được mời có thể tham gia thảo luận trong cuộc họp nhưng không có quyền tham gia biểu quyết. Chủ tịch HĐQT sẽ có văn bản thông báo kết quả cuộc họp này cho Trưởng ban kiểm soát và Tổng Giám đốc trong thời gian năm (05) ngày làm việc sau khi cuộc họp kết thúc;

2. Tại các phiên họp của Ban Kiểm soát có nội dung quan trọng, Trưởng ban kiểm soát có thể mời một số thành viên HĐQT và thành viên Ban Tổng Giám đốc tham gia cuộc họp của Ban Kiểm soát để thảo luận về những vấn đề có liên quan. Thư mời họp phải có đầy đủ nội dung cần thiết và phải được chuyển đến người được mời ít nhất ba (03) ngày làm việc trước khi cuộc họp diễn ra. Trưởng ban kiểm soát sẽ có văn bản thông báo kết quả cuộc họp cho HĐQT và Tổng Giám đốc trong thời gian năm (05) ngày làm việc sau khi cuộc họp kết thúc. Ban kiểm soát thông báo kịp thời với HĐQT về kết quả hoạt động kiểm soát, đồng thời làm việc với HĐQT trước khi trình các báo cáo, kết luận và kiến nghị với ĐHĐCD;

3. Tại các phiên họp của Ban Tổng Giám đốc có nội dung quan trọng, Tổng Giám đốc có thể mời một số thành viên HĐQT và Trưởng ban kiểm soát tham gia cuộc họp của Ban Tổng Giám đốc để thảo luận về những vấn đề có liên quan. Thư mời họp phải có đầy đủ nội dung cần thiết và phải được chuyển đến người được mời ít nhất ba (03) ngày làm việc trước khi cuộc họp diễn ra. Tổng Giám đốc sẽ có văn bản thông báo kết quả cuộc họp cho HĐQT và Trưởng ban kiểm soát trong thời gian năm (05) ngày làm việc sau khi cuộc họp kết thúc.

Điều 37. Thông báo nghị quyết của HĐQT cho Ban kiểm soát

Bản sao các văn bản nghị quyết của HĐQT sẽ được chuyển đến cho Trưởng ban kiểm soát và Tổng Giám đốc trong thời hạn năm (05) ngày làm việc sau khi cuộc họp kết thúc, cùng thời điểm các văn bản này được cung cấp cho các thành viên HĐQT.

Điều 38. Các trường hợp Tổng giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp HĐQT và những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT

1. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị bằng văn bản của Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác, ít nhất hai thành viên HĐQT hoặc Thành viên HĐQT độc lập. Nội dung văn bản đó phải nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận;

Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch HĐQT phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Tổng công ty.

2. Những vấn đề sau đây phải được HĐQT phê chuẩn:

a. Thành lập Công ty thành viên hoặc Văn phòng đại diện của Tổng công ty;

b. Thành lập các công ty con của Tổng công ty;

c. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 108 Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120 Luật doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, HĐQT tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng lớn của Tổng công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thâu tóm Công ty và liên doanh);

d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Tổng công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Tổng công ty;

e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Tổng công ty trừ những khoản thuộc hoạt động kinh doanh bảo hiểm của Tổng công ty;

f. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;

g. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các Công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;

h. Việc định giá tài sản góp vào Tổng công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Tổng công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

i. Việc Tổng công ty mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số mỗi loại cổ phần;

j. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà HĐQT quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;

k. Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Tổng công ty.

Điều 39. Báo cáo của Tổng giám đốc với HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao

1. Các vấn đề Tổng giám đốc phải báo cáo HĐQT căn cứ theo nhiệm vụ, quyền hạn của Tổng giám đốc được quy định tại Điều 30, Điều lệ Tổng công ty;

2. Tổng giám đốc gửi cho HĐQT sớm nhất có thể nhưng không ít hơn 14 ngày trước ngày nội dung đó cần được quyết định;

3. Trong trường hợp cấp thiết, HĐQT, BKS có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, cán bộ điều hành khác trong Tổng công ty cung cấp các thông tin về hoạt động của Tổng công ty.

Điều 40. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên HĐQT, các kiểm soát viên và Tổng giám đốc

1. Các thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc sẽ thường xuyên trao đổi trong công việc và cung cấp thông tin qua lại theo tinh thần hợp tác, hỗ trợ, tạo thuận lợi cho công việc của các thành viên theo đúng quy định tại Điều lệ Tổng công ty, quy chế làm việc và kế hoạch hành động chung.

2. Trường hợp khẩn cấp, các thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc có thể thông tin ngay (bằng gặp mặt, điện thoại hoặc email) cho Chủ tịch HĐQT, Trưởng ban Kiểm soát hoặc Tổng Giám đốc hoặc cả ba người để được giải quyết hiệu quả.

3. Ban kiểm soát, thành viên HĐQT có quyền truy vấn thông tin, số liệu, hồ sơ của Tổng công ty trực tiếp qua người đứng đầu các phòng ban trong Tổng công ty theo thửa lệnh của Tổng giám đốc. Trao đổi trực tiếp, gián tiếp giữa các thành viên Ban kiểm soát để làm sáng rõ vấn đề quan tâm, phục vụ lợi ích chung.

Điều 41. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác

1. Phương thức đánh giá hoạt động: Tùy thuộc vào quy định của HĐQT từng thời kỳ, công tác đánh giá hoạt động của thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc các người điều hành khác của Tổng công ty có thể được tiến hành theo một hoặc một số phương thức sau:

a. Tự nhận xét, đánh giá;

b. Tổ chức lấy phiếu thăm dò, tín nhiệm;

c. Cách thức khác do HĐQT lựa chọn vào từng thời điểm.

2. Tiêu chí đánh giá hoạt động:

HĐQT có trách nhiệm xây dựng cơ chế đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban Tổng giám đốc và các người điều hành khác căn cứ vào kế hoạch đề ra của từng năm, mức độ hoàn thành kế hoạch của từng thành viên. Tiêu chí đánh giá hoạt động của các thành viên

HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban Tổng Giám đốc và các người điều hành khác do HĐQT ban hành trong từng thời kỳ.

3. Khen thưởng, kỷ luật:

a. HĐQT có thẩm quyền quyết định khen thưởng, kỷ luật đối với các chức danh quản lý do HĐQT bổ nhiệm;

b. Tổng Giám đốc điều hành có thẩm quyền quyết định khen thưởng, kỷ luật đối với cán bộ đảm nhiệm các chức danh quản lý do Tổng Giám đốc bổ nhiệm;

c. Nguyên tắc xử lý, các hình thức xử lý, trình tự xử lý vi phạm, kỷ luật đối với cán bộ đảm nhiệm các vị trí quản lý của Tổng công ty thực hiện theo quy chế về kỷ luật do HĐQT ban hành trong từng thời kỳ và theo Quy chế phân cấp Tổ chức - Nhân sự của Tổng công ty.

4. Đối với thành viên HĐQT:

a. Đánh giá hoạt động: HĐQT sẽ kiểm điểm, đánh giá kết quả hoạt động của mỗi thành viên (gồm cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch HĐQT) theo định kỳ 06 tháng và hàng năm, dựa theo các chức năng và nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty và kết quả thực hiện kế hoạch hoạt động của HĐQT;

b. Khen thưởng: Tùy theo thành tích cá nhân, HĐQT có quyền sử dụng một phần tổng mức thù lao và tiền thưởng hàng năm của HĐQT đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua để chi thưởng cho các thành viên và xem xét khen thưởng, thi đua theo quy định của pháp luật và Quy chế khen thưởng của HĐQT;

c. Kỷ luật: HĐQT chịu trách nhiệm trước pháp luật và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện các hoạt động thuộc phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT. Các thành viên HĐQT có thể bị kỷ luật theo Quy chế kỷ luật hoặc miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp đã được quy định trong Điều lệ Tổng công ty và Quy chế tổ chức hoạt động của HĐQT.

5. Đối với thành viên Ban Kiểm soát:

a. Đánh giá hoạt động: Ban Kiểm soát sẽ kiểm điểm, đánh giá kết quả hoạt động của mỗi thành viên (gồm cả Trưởng ban) theo định kỳ 06 tháng và hàng năm, dựa theo chức năng và nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty và kết quả thực hiện kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát;

b. Khen thưởng: Tùy theo thành tích cá nhân, Trưởng ban Kiểm soát sẽ đề nghị HĐQT thẩm định và quyết định sử dụng một phần tổng mức thù lao và tiền thưởng hàng năm của HĐQT và Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua để chi thưởng cho các thành viên và xem xét khen thưởng, thi đua theo quy định của pháp luật và Quy chế khen thưởng của HĐQT;

c. Kỷ luật: Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm trước pháp luật và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Ban Kiểm soát. Các thành viên Ban Kiểm soát có thể bị kỷ luật hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp đã được quy định trong Điều lệ Tổng công ty;

6. Đối với Tổng Giám đốc và các người điều hành khác:

a. Đánh giá hoạt động: HĐQT sẽ đánh giá phẩm chất, năng lực, kết quả và hiệu quả điều hành của Tổng Giám đốc và các người điều hành khác theo định kỳ 06 tháng

và hàng năm trên cơ sở đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng công ty, có tham khảo ý kiến của Trưởng ban Kiểm soát;

b. Khen thưởng: HĐQT sẽ quyết định việc khen thưởng cụ thể cho Tổng Giám đốc và các người điều hành khác theo chính sách đã thiết lập và thỏa thuận trước. HĐQT có quyền sử dụng quỹ khen thưởng phúc lợi để chi khen thưởng chung (trong đó có Tổng Giám đốc và các người điều hành khác), xem xét khen thưởng, thi đua theo quy định của pháp luật;

c. Kỷ luật: Tổng Giám đốc và các người điều hành khác chịu sự giám sát của HĐQT, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, HĐQT và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Tổng Giám đốc điều hành có thể bị kỷ luật hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp đã được quy định trong Điều lệ Tổng công ty.

7. Trách nhiệm về thiệt hại:

a. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi: được quy định theo Điều 40, Điều lệ Tổng công ty.

b. Trách nhiệm về thiệt hại: Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

c. Bồi thường: được quy định theo Khoản 2, 3, 4, Điều 40, Điều lệ Tổng công ty.

8. Khi cần thiết HĐQT Tổng công ty sẽ điều chỉnh, bổ sung quy định về đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và các người điều hành khác.

Chương VIII. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Tổng công ty

Điều 42. Tiêu chuẩn Người phụ trách quản trị Tổng công ty

Tiêu chuẩn người phụ trách quản trị Tổng công ty được quy định theo khoản 2, Điều 32, Điều lệ Tổng công ty.

Điều 43. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Tổng công ty

Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Tổng công ty được quy định theo khoản 1, Điều 32, Điều lệ Tổng công ty.

Điều 44. Quyền và nghĩa vụ người phụ trách quản trị Tổng công ty

Quyền và nghĩa vụ người phụ trách quản trị Tổng công ty được quy định theo khoản 4, Điều 32, Điều lệ Tổng công ty.

Điều 45. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Tổng công ty

Các trường hợp miễn nhiệm người phụ trách quản trị Tổng công ty được quy định theo khoản 3, Điều 32, Điều lệ Tổng công ty.

Điều 46. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Tổng công ty

Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Tổng công ty được quy định theo Điều 8, Điều 9 Thông tư 155/2015/TT-BTC Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Hình thức công bố thông tin: Đăng tải trên website www.pti.com.vn của Tổng công ty.

Chương IX. Sửa đổi Quy chế nội bộ về Quản trị Tổng công ty

Điều 47. Sửa đổi và bổ sung quy chế

1. Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế Quy chế này sẽ do HĐQT xem xét và quyết định;

2. Trong trường hợp những quy định của Pháp luật có liên quan đến hoạt động của Tổng công ty chưa được đề cập trong bản Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của Pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của Pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Tổng công ty.

Chương X. Ngày Hiệu lực

Điều 48. Ngày hiệu lực

1. Quy chế này gồm 10 chương 48 Điều, được ĐHĐCD thông qua ngày 12 tháng 04 năm 2018.

2. Quy chế này có thể được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với yêu cầu quản trị của Tổng công ty, phù hợp với Điều lệ Tổng công ty và quy định của pháp luật.



Nguyễn Minh Đức